TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **02**/2020/QĐST-DS	*Hương Thủy, ngày 22 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 59/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần B, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn C, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Q. địa chỉ: Thôn C, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Q: Ông Lê Văn T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về số tiền nợ và phương thức trả nợ :

Ông Lê Văn T công nhận vợ chồng ông hiện còn nợ số tiền 38.500.000 đồng của ông Trần B. Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận:

Ông Lê Văn T đồng ý trả toàn bộ số tiền cho ông Trần B trong thời hạn 10 tháng, mỗi tháng trả 04 (bốn) triệu đồng cho đến khi hết nợ gốc, bắt đầu trả nợ từ ngày 10/02/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

b. Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 962.500 đồng [(tức là: 38.500.000 đồng x 5%) x 50% = 962.500 đồng]. Các bên đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu ½ số tiền án phí tranh chấp dân sự nói trên; tức là:

- Ông Trần B phải chịu 481.250 đồng án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm. Ông Trần B là người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi, thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Văn T phải chịu 481.250 đồng án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã kí)

Nguyễn Ngọc Dũng